

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Khu phố 3, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ tạm trú: Tổ 58, Khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 19/31, Khu phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Văn S trình bày:

Ông Ngô Văn S và bà Phạm Thị Kim T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2020, ngày 02 tháng 01 năm 2020. Sau khi kết hôn, ông S và bà T chung sống với nhau tại Tổ 8, Khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, tính tình không hợp. Bà T đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng vẫn không có hạnh phúc. Ông S và bà T đã sống ly thân cách đây hơn một năm. Bà T đưa 02 con về nhà cha mẹ đẻ của bà T để sinh sống. Ông S thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông S và bà T có 02 con chung là cháu Ngô Quốc C, sinh ngày 10/6/2020 và cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 18/10/2021. Sau khi ly hôn, ông S yêu cầu được quyền nuôi cháu Ngô Quốc C, bà T được nuôi cháu Ngô Quốc T. Ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông S có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi con tốt hơn. Bà T không có công việc ổn định phải phụ thuộc gia đình nên nuôi con sẽ không đảm bảo cho cuộc sống và sự phát triển của con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:
Bà T thống nhất với ý kiến của ông S về thời gian kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn và con chung. Nay, ông S yêu cầu ly hôn bà T đồng ý.

- Về con chung: Trước yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T nhận thấy từ khi các con còn nhỏ cho đến nay, ông S không lo cho các con, bà T phải đưa các con về nhà cha mẹ đẻ để ở và sinh sống. Hiện nay, bà T có thu nhập ổn định từ việc phụ cha mẹ buôn bán. Do đó, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Ngô Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn bà Phạm Thị Kim T đồng ý ly hôn với ông S, yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một

phần. Về hôn nhân: Ông S và bà T thống nhất ly hôn nên công nhận ông S và bà T thuận tình ly hôn. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông S, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 16/02/2023, ông Ngô Văn S có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Phạm Thị Kim T nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn bà Phạm Thị Kim T sinh sống tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn S và bà Phạm Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2020, ngày 02/01/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa, ông S và bà T cùng thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông S và bà T thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông S và bà T.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ khi ly thân đến nay bà T là người trực tiếp nuôi con, các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay, bà T có thu nhập ổn định phụ cha mẹ buôn bán có thể đảm bảo việc nuôi con. Ông S ít qua lại thăm nom, chăm sóc con. Cháu Ngô Quốc C chỉ mới hơn 36 tháng tuổi. Để đảm bảo sự phát triển của các con chung khi các cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ thì cần thiết giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông S, chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với bị đơn bà Phạm Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn S và bà Phạm Thị Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ngô Quốc C, sinh ngày 10/6/2020 và cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 18/10/2021 cho bà Phạm Thị Kim T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu ông Ngô Văn S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ngô Văn S và bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002629 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Nhật Thanh